

Bản án số: 91/2020/DS - PT

Ngày 21 tháng 12 năm 2020.

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Huyền;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hà Giang;

Ông Nguyễn Trường Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quỳnh Nam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 và 21 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử công khai vụ án Dân sự phúc thẩm thụ lý số: 68/2020/DS -PT ngày 22 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2020/DS - ST ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ bị kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 76/2020/QĐXX - PT ngày 04 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1984

Địa chỉ: Khu 9, xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

Bị đơn: Bà Đặng Thị Kim D, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Khu 6, xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

NỘI D V U ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hải Y trình bày: Chị và bà Đặng Thị Kim D ở khu 6, xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ là người cùng xã bà D là giáo viên nên chị hay qua lại chơi và học hỏi, từ mối quan hệ đó chị có cho bà D vay tiền vay số tiền 115.000.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu đồng), vay làm 02 lần, có viết giấy vay đầy đủ, bà D có viết giấy biên nhận và ký vào giấy vay tiền, trong giấy không có thỏa thuận về lãi nhưng có thỏa thuận về lãi suất miệng với nhau, cụ thể 02 lần như sau:

Lần 1: Ngày 10/3/2015 chị Nguyễn Thị Hải Y có cho bà Đặng Thị Kim D vay số tiền 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng), thời hạn vay là 12 tháng.

Lần 2: Ngày 10/7/2016 chị Nguyễn Thị Hải Y có cho bà Đặng Thị Kim D vay thêm số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng). Thời hạn vay ngắn ngày, trả trong tháng 7/2016.

Sau khi vay được hai khoản tiền nói trên bà D chưa trả được cho chị khoản tiền gốc và tiền lãi phát sinh nào từ hai khoản nợ trên mặc dù chị đã đòi nhiều lần. Nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ buộc bà D trả khoản tiền gốc 115.000.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu đồng) và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Nếu bà D trả ngay cho chị số tiền trên thì chị không yêu cầu tính lãi còn nếu bà D trả dần thì chị yêu cầu tính lãi đối với số tiền 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng) tiền gốc tính từ ngày 10/3/2015 và số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) tiền gốc tính từ ngày 10/7/2016 cho đến khi bà D thanh toán xong hai khoản nợ trên.

Bị đơn là bà Đặng Thị Kim D trình bày: Do mối quan hệ quen biết với chị Nguyễn Thị Hải Y nên ngày 10/3/2015 bà có vay của chị D số tiền 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng). Khi vay bà có viết giấy biên nhận và ký tên vào giấy biên nhận đó, lãi suất thỏa thuận miệng là 5.000đ /1 triệu/ 1 ngày, thời hạn vay là 12 tháng. Đến ngày 10/7/2016 bà có vay tiếp chị Y số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng). Thời hạn vay ngắn ngày, trả trong tháng 7/2016 lãi suất thỏa thuận miệng. Như vậy, tổng hai lần vay bà có vay của chị Y số tiền là 115.000.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu đồng). Sau khi vay được tiền bà chưa trả được cho chị Y khoản tiền gốc và tiền lãi phát sinh nào từ hai khoản nợ trên dù chị Y đã đòi nhiều lần. Nay chị Y khởi kiện yêu cầu bà trả khoản tiền 115.000.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi phát sinh, do hoàn cảnh khó khăn bà xin được trả khoản tiền gốc là 115.000.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu đồng) và xin trả dần mỗi tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng) kể từ tháng 09/2020 cho đến khi thanh toán hết khoản tiền trên, còn tiền lãi bà xin.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS- ST ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 470; Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều khoản 1 Điều 147; khoản 4 Điều 161; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hải Y đối với bà Đặng Thị Kim D.

2. Buộc bà Đặng Thị Kim D phải trả cho chị Nguyễn Thị Hải Y số tiền còn nợ tính đến ngày 13/8/2020 là: 174.030.545đ (Một trăm bảy mươi tư triệu, không trăm ba mươi nghìn, năm trăm bốn lăm đồng). Trong đó có 115.000.000đ

(Một trăm mười lăm triệu đồng) tiền nợ gốc và 59.030.545đ (Năm mươi chín triệu, không trăm ba mươi nghìn, năm trăm bốn lăm đồng) tiền lãi.

Bản án còn tuyên các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

Kháng nghị: Ngày 04/9/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện T có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 352/QĐKNPT-VKSTN đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của Tòa án nhân dân huyện T. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 để tính lãi suất và án phí đối với đương sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ vẫn giữ nguyên kháng nghị.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà D cho rằng chị Y tính 5.000đ/1 triệu/ngày, nhưng chị Y không thừa nhận cho bà D vay tiền có tính lãi như bà D trình bày, mà chỉ thừa nhận có lãi theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm: Về tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của VKSND tỉnh; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hải Y và bị đơn bà Đặng Thị Kim D đều thừa nhận, bà D 2 lần vay tiền của chị Y, lần 1: ngày 10/3/2015 vay 90.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng; Lần 2: Ngày 10/7/2016 vay 25.000.000đ thời hạn vay trong tháng 7/2016. Chị Y đã giao đủ tiền vay cho bà D. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm và phúc thẩm bà D chưa thanh toán cho chị Y tiền gốc và lãi. Về lãi suất, bà D cho rằng chị Y tính 5.000đ/1 triệu/ngày, nhưng chị Y không thừa nhận cho bà D vay tiền có tính lãi như bà D trình bày, mà chỉ thừa nhận có lãi theo quy định của pháp luật. Do vậy, xác định hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận về lãi nhưng không xác định được lãi suất và là hợp đồng đang được thực hiện.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Điểm b, khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015. Việc tính lãi đối với khoản tiền bà D vay chị Y, Tòa án phải áp dụng khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Quyết định số 2868/QĐ -NHNN

ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam để tính lãi mới phù hợp với quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định lãi suất buộc bà D phải trả cho chị Y là chưa đúng với quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ trên, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T là có căn cứ, nhưng Viện kiểm sát kháng nghị việc tính lãi các khoản vay theo khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 là chưa phù hợp. Do vậy, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T.

[2]. Đối với các khoản tiền lãi, bà D có trách nhiệm thanh toán cho chị Y, được xác định như sau:

* Đối với khoản tiền vay ngày 10/3/2015 số tiền là 90.000.000đ.

- Từ ngày 10/3/2015 – đến 31/12/2016 = 1 năm 8 tháng : $90.000.000đ \times 9\%/năm \times 1 \text{ năm } 8 \text{ tháng} = 13.500.00đ$.

- Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 13/8/2020 (xét xử sơ thẩm) là 3 năm 7 tháng 12 ngày: $90.000.000đ \times 10\%/năm \times 3 \text{ năm } 7 \text{ tháng } 12 \text{ ngày} = 32.532.990đ$.

Tổng số lãi là: 46.032.990đ

* Đối với khoản tiền vay ngày 10/7/2016, số tiền 25.000.000đ

- Từ ngày 10/7/2016 đến 31/12/2016 là 4 tháng 20 ngày: $25.000.000đ \times 9\%/năm \times 4 \text{ tháng } 20 \text{ ngày} = 875.000đ$.

- Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 13/8/2020 (xét xử sơ thẩm) là 3 năm 7 tháng 12 ngày: $25.000.000đ \times 10\%/năm \times 3 \text{ năm } 7 \text{ tháng } 12 \text{ ngày} = 9.036.941đ$

Tổng cộng: 9.911.941đ

Như vậy, tổng số tiền lãi 2 khoản vay bà D phải thanh toán cho chị Y là 55.944.931đ (*Năm mươi lăm triệu, chín trăm bốn mươi bốn nghìn, chín trăm ba mươi một đồng*).

[3]. Từ nhận định tại [1]. [2] Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T về áp dụng điều luật và xác định khoản tiền lãi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của Tòa án nhân dân huyện T, như sau:

Áp dụng Điều 474, Điều 476, khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468; điểm b, khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hải Y đối với bà Đặng Thị Kim D.

2. Buộc bà Đặng Thị Kim D phải trả cho chị Nguyễn Thị Hải Y số tiền còn nợ tính đến ngày 13/8/2020 là: 170.944.931đ (*Một trăm bảy mươi triệu, chín trăm bốn mươi bốn nghìn, chín trăm ba một đồng*). Trong đó: Tiền nợ gốc là: 115.000.000đ (*Một trăm mười lăm triệu đồng*) và tiền nợ lãi là: 55.944.931đ (*Năm mươi lăm triệu, chín trăm bốn mươi bốn nghìn, chín trăm ba một đồng*).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên cho người được thi hành án thì người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Đặng Thị Kim D phải chịu 8.547.246đồng (*Tám triệu, năm trăm bốn mươi chín nghìn, hai trăm bốn sáu đồng*) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Hải Y số tiền 2.875.000đ (*Hai triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0002622 ngày 22/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS huyện T;
- TAND huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HS..

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Huyền

